

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2023 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam về Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021 - 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2023 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tạo điều kiện cho mọi người dân tham gia học tập thường xuyên, suốt đời để có được những năng lực, kỹ năng những phẩm chất mong muốn cần cho cuộc sống cũng như cho sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn tỉnh.

b) Phát động phong trào toàn xã hội tích cực tham gia mô hình “Công dân học tập”, học thường xuyên, học suốt đời; tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, công dân học tập toàn cầu.

c) Góp phần duy trì và nâng cao chất lượng việc tổ chức công nhận danh hiệu các mô hình học tập; vận động toàn dân tích cực tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện mô hình “Công dân học tập”.

b) Kế hoạch phải đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, đúng mục đích, phù hợp, linh hoạt, sáng tạo với điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng.

c) Cần phải có sự phối hợp tích cực, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, đoàn thể, tổ chức thực hiện đạt và hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch đã đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy việc học tập suốt đời để con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả... trên cơ sở hình thành mô hình “Công dân học tập” nhằm khuyến khích, tạo cơ hội công bằng, điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, hướng tới công dân số, đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và góp phần xây dựng thành công một xã hội học tập.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phân đầu đến năm 2025

- 100% cán bộ, hội viên Hội Khuyến học trong tỉnh được học tập quán triệt các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

- 40% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, 60% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- 70% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó 60% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

b) Phân đầu đến năm 2030

- Tiếp tục quán triệt đến toàn thể cán bộ, hội viên Hội Khuyến học trong tỉnh để hiểu rõ và triển khai hiệu quả các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

- 60% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, 80% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- 90% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó 80% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Triển khai thực hiện những Bộ tiêu chí khung để áp dụng cho các đối tượng khác nhau

a) Triển khai thực hiện những Bộ tiêu chí có chỉ số đo khác nhau cho các nhóm đối tượng là nông dân, công nhân, công chức, viên chức, doanh nhân, cán bộ quản lý để bảo đảm mức độ hợp lý và tính khả thi trong triển khai đại trà chủ trương xây dựng mô hình “Công dân học tập” trên mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống xã hội.

b) Suru tâm, nhân bản, biên soạn và in ấn tài liệu tập huấn, hướng dẫn xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo những Bộ tiêu chí cụ thể.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”

a) Tổ chức quán triệt các chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nhân rộng các mô hình học tập giai đoạn 2023 – 2030.

b) Tổ chức tuyên truyền thông qua hệ thống tạp chí, bản tin và các website của Hội khuyến học các địa phương; trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Tổ chức tuyên truyền trong các cơ quan, tổ chức, các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang.

d) Phát động phong trào thi đua học tập suốt đời, xây dựng mô hình “Công dân học tập” trong toàn tỉnh.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời, xây dựng mô hình công dân học tập

a) Khai thác, sử dụng phần mềm số hóa việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo các mục tiêu của Chương trình.

b) Xây dựng trang thông tin điện tử, học liệu mở, chuyên đề... giúp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao hiểu biết cho cán bộ hội, hội viên khuyến học và người dân về các nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập, nhằm tạo sự chuyển biến về chất việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình và đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài trong tỉnh.

4. Triển khai công tác tập huấn, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc xây dựng mô hình “Công dân học tập”

a) Tổ chức các hội nghị, tập huấn quán triệt Chương trình, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2023 - 2030 và các văn bản chỉ đạo khác của Đảng và Chính phủ liên quan đến đổi mới giáo dục, đào tạo, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; tập huấn triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” cho những đối tượng trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau, phù hợp với trình độ học vấn và đặc điểm nghề nghiệp của họ.

b) Thực hiện theo quy định về quy trình, tổ chức kiểm tra, đánh giá công nhận danh hiệu “Công dân học tập”; đánh giá, công nhận các danh hiệu.

c) Tổ chức Hội nghị sơ kết việc triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” và tham dự Đại hội biểu dương các cá nhân xuất sắc trong phong trào thi đua, đạt danh hiệu “Công dân học tập” tiêu biểu toàn quốc vào quý III năm 2026, Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình vào quý IV năm 2030.

5. Huy động nguồn lực xã hội hóa nhằm tăng cường sự đóng góp của cộng đồng trong việc thúc đẩy phong trào học tập suốt đời, nhân rộng mô hình “Công dân học tập”, góp phần xây dựng xã hội học tập.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công được cấp cho Hội theo quy định.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao, hàng năm Hội khuyến học các cấp lập dự toán kinh phí và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động của Hội, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí kinh phí theo quy định.

3. Đối với các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể và cơ quan cấp tỉnh có liên quan: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, hàng năm lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí kinh phí theo quy định.

4. Các địa phương có trách nhiệm cân đối ngân sách, bố trí kinh phí hàng năm thực hiện các công việc liên quan đến triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Khuyến học tỉnh

a) Chủ trì triển khai thực hiện tiêu chí đánh giá mô hình “Công dân học tập” trong toàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội có liên quan để tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai hàng năm; tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn Hội Khuyến học cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch và triển khai Chương trình ở địa phương.

d) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện Chương trình của các địa phương; định kỳ báo cáo cho Ủy ban nhân tỉnh để Ủy ban nhân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh trong việc hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức xây dựng mô hình công dân học tập.

b) Phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh trong việc tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Hội Khuyến học ở địa phương triển khai thực hiện chương trình.

d) Phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh tổ chức tập huấn, hướng dẫn, đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”; sơ, tổng kết giai đoạn việc thực hiện chương trình, kế hoạch của tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông, báo chí địa phương và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về xã hội học tập, học tập suốt đời, giáo dục người lớn và các mô hình học tập, trong đó có mô hình “Công dân học tập”.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và trên cơ sở dự toán kinh phí do Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học và các đơn vị có liên quan xây dựng, Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách.

5. Các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, các lực lượng vũ trang tỉnh

a) Tổ chức lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch với quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án khác liên quan (xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, gia đình, tổ dân phố, ấp, xã văn hóa...).

b) Phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Chương trình và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sở, ngành có trách nhiệm cung ứng các chương trình học tập suốt đời và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị được học tập suốt đời, phấn đấu trở thành “công dân học tập”; coi đây là một trong các chỉ tiêu thi đua, đánh giá xếp loại lao động hàng năm.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Có trách nhiệm bố trí ngân sách để thực hiện mục tiêu của Kế hoạch tại địa phương; chỉ đạo các cơ quan liên quan ở địa phương phối hợp với Hội khuyến học cùng cấp triển khai có hiệu quả Kế hoạch trên địa bàn.

b) Chỉ đạo các cơ quan thông tin – truyền thông của địa phương tổ chức tuyên truyền về xã hội học tập, trong đó có tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”.

c) Chỉ đạo Hội khuyến học cấp huyện, cấp xã tổ chức đánh giá và lập danh sách những cá nhân đạt tiêu chí “Công dân học tập”; thẩm định và công nhận kết quả do Hội Khuyến học địa phương trình duyệt.

7. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội có liên quan

a) Phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng mô hình “Công dân học tập” trong tỉnh, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác.

b) Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội ở tỉnh có liên quan phối hợp với Hội khuyến học tỉnh tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên thuộc cơ quan, tổ chức của mình được học tập thường xuyên, học suốt đời để đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

Căn cứ nội dung trên, các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo, đề xuất về Hội Khuyến học tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

(Đính kèm Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2023-2030)

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Hội Khuyến học Việt Nam (b/c)
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban VH-XH-HĐND tỉnh;
- UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và đào tạo;
- Công an tỉnh;
- BCHQS, BCH BĐBP tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu: VT, VX6. (2)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông
Đặng Minh Thông



**BỘ TIÊU CHÍ VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN DANH
HIỆU “CÔNG DÂN HỌC TẬP” GIAI ĐOẠN 2023-2030**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 30/3/2023
của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

I. BỘ TIÊU CHÍ “CÔNG DÂN HỌC TẬP”

1. Bộ tiêu chí khung và chỉ số đánh giá mô hình “Công dân học tập”

Tiêu chí khung	Chỉ số đánh giá <i>(các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị nhằm trang bị kiến thức cho bản thân	10
	4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho cộng đồng và xã hội.	10
	8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động, học tập và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
	Tổng điểm tối đa	100

2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập dùng cho nông dân và lao động nông thôn

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động,...	10
	2. Biết xây dựng kế hoạch học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề,... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.	10
	3. Xây dựng và sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã.	10
	4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, láng giềng học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, buôn bán, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả.	10
	6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, xã giao, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc, hoặc các quy tắc an toàn... trong cuộc sống.	10
	7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.	10
	8. Biết tính toán, suy nghĩ, xem xét một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Thân thiện, hòa đồng với người xung quanh; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội.	10
	10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

3. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập dùng cho công nhân, lao động tiêu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động.	10
	2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của công đoàn, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học,...	10
	3. Sắp xếp công việc, lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động, thi đua tại cộng đồng.	10
	4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức chuyên môn.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng tốt máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị số để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, phát triển tay nghề.	10
	6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất, đọc bản hướng dẫn về kỹ thuật....	10
	7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc, cải tiến kỹ thuật, nâng cao định mức lao động, tiến bộ về tay nghề.	10
	8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội.	10
	10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể, đơn vị; tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người; ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

4. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp,...

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
	2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của mình.	10
	4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và cho đồng nghiệp học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến.	10
	6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm, ứng xử có văn hóa với người khác, tôn trọng nhân cách con người, thể hiện đạo đức công dân khi giao lưu trên mạng.	10
	7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, cải tiến kỹ thuật, công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...	10
	8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phản biện trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội. Bảo vệ quyền lợi quốc gia và giữ an ninh mạng	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội; tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa; ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

II. HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN DANH HIỆU “CÔNG DÂN HỌC TẬP” THEO BỘ TIÊU CHÍ

1. Nguyên tắc chung

- Đánh giá “Công dân học tập” hằng năm bằng hình thức cho điểm; mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số là 100;

- Những người đạt từ 80 điểm trở lên (riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên), trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5 được công nhận là “Công dân học tập”; những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” 5 năm liền được ghi nhận là “Công dân học tập tiêu biểu”;

- Cá nhân tự kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm tự đánh giá theo mẫu, gửi hồ sơ cho Ban/Chi hội khuyến học của đơn vị/địa phương để được xem xét, tập hợp danh sách và báo cáo Hội Khuyến học cấp xã;

- Hội Khuyến học cấp xã xác nhận, trình UBND cùng cấp ra quyết định công nhận danh sách các cá nhân đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- Đối với cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị do cấp huyện, tỉnh, trung ương quản lý, thì nộp bản tự đánh giá cho Ban khuyến học cơ quan, đơn vị để được Thủ trưởng đơn vị xem xét, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”; nếu đơn vị chưa có Ban khuyến học thì có thể đề nghị tổ chức Công đoàn (hoặc Đoàn Thanh niên) phối hợp, xác nhận và trình Thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận.

- Hội Khuyến học các cấp (xã, huyện, tỉnh) tổng hợp hồ sơ, danh sách công nhận Danh hiệu “Công dân học tập”, báo cáo cấp trên theo quy định.

2. Hướng dẫn đánh giá theo các bộ tiêu chí

a) Các cá nhân đăng ký phấn đấu và được đánh giá Danh hiệu “Công dân học tập” theo 1 trong 3 bộ tiêu chí nêu ở phần I.

Lưu ý:

- Học sinh phổ thông, sinh viên đang học cao đẳng, đại học hệ chính quy... chưa phải là đối tượng đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- Đối với cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang: Thực hiện theo các quy định của Nhà nước đối với vị trí mà quân nhân đảm nhiệm. Trong khi chưa có bộ tiêu chí riêng thì căn cứ Bộ tiêu chí khung, nhóm 3, lãnh đạo chỉ huy đơn vị từ cấp Trung đoàn hoặc tương đương ban hành tiêu chí cho phù hợp với nhiệm vụ đơn vị.

- Đối với người đã về hưu, người cao tuổi: Ngoài các năng lực, chỉ số đã được hình thành theo ngành nghề trong quá trình còn công tác, chủ yếu cần quan tâm nhiều hơn đến các chỉ số như tích cực học tập để nâng cao kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe bản thân, quan tâm đến gia đình và xã hội, tích cực động viên mọi người tham gia xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, giữ gìn đoàn kết, an ninh, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, ...

b) Việc đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” cơ bản căn cứ vào bản tự kê khai, đánh giá của cá nhân. Các chi hội/ban khuyến học phối hợp với tổ dân phố (thôn, ...)/cơ quan, đơn vị... để thẩm định hồ sơ thông qua bản tự kê khai của cá nhân, đánh giá mức độ hoàn thành 10 chỉ số để xác nhận kết quả.

c) Khuyến khích sử dụng máy tính, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tự đánh giá, cho điểm, thu thập hồ sơ cá nhân phần đầu đạt danh hiệu “Công dân học tập” cũng như cách xác định mức độ đạt được của các chỉ số./.